

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/DS-PT

Ngày 31-12-2024

Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và buộc chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền đối với tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến

Bà Lương Thị Nguyệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và buộc chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền đối với tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2024/QĐPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 71/2024/QĐ-TA ngày 17-12-2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Triệu Mùi P. Cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X. Địa chỉ: Phố M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 30-10-2024); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị H, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Triệu Tiến T1. Cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Trần Nguyễn T; có mặt.

2. Ông Doãn Quốc H; vắng mặt.

Đều là luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tòa nhà đa năng, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

3. Bà Hoàng Thị H, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Triệu Sành L; vắng mặt.

2. Bà Triệu Thị M; vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị H; vắng mặt.

4. Ông Hoàng Tiến C; vắng mặt.

5. Bà Hoàng Mùi S; vắng mặt.

6. Chị Triệu Thị X; vắng mặt.

7. Chị Triệu Thị T1; vắng mặt.

8. Chị Triệu Thị T2; vắng mặt.

9. Chị Triệu Thị U; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Triệu Sành L: Bà Nguyễn Thị X. Địa chỉ: Phố M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 08-11-2024); có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Mùi S, chị Triệu Thị X, chị Triệu Thị T1, chị Triệu Thị T2, chị Triệu Thị U: Ông Triệu Tiến T1. Cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 19-4-2024); có mặt.

10. Bà Nguyễn Thị X. Cư trú tại: Phố M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

11. Bà Triệu Mai T. Cư trú tại: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Bà Triệu Thị T3. Cư trú tại: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

13. Bà Triệu Mùi P. Cư trú tại: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

14. Bà Triệu Mùi V; vắng mặt.

15. Bà Triệu Thị H1; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

16. Bà Triệu Thị L. Cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; vắng mặt.

17. Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị T, công chức Địa chính-Xây dựng xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 02-4-2024); vắng mặt.

18. Công ty Điện lực Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Xuân T, Giám đốc Điện lực thành phố L, Công ty Điện lực Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 05-4-2024); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Triệu Tiến T1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Triệu Di S (đã chết) là chồng cụ Hoàng Mùi N (đã chết). Họ có 05 người con là bà Triệu Thị L, ông Triệu Sáng V, ông Triệu Sành L, bà Triệu Mùi N và bà Triệu Mùi P.

Bà Triệu Thị L (đã chết) có chồng là ông Triệu Như L (đã chết). Họ có 05 người con đẻ và 01 người con nuôi: Người con nuôi là ông Triệu Tiến T2; con đẻ là bà Triệu Thị H2, bà Triệu Thị H3, bà Triệu Thị T4, bà Triệu Thị T5, bà Triệu Thị P.

Ông Triệu Sáng V (đã chết ngày 25-01-2020) có vợ là bà Triệu Thị X (đã chết ngày 12-10-2022). Họ có 08 người con là bà Triệu Thị T3, bà Triệu Mai T, ông Triệu Tiến T1, bà Triệu Mùi V, bà Triệu Mùi P, bà Triệu Thị L, bà Triệu Thị H1, bà Triệu Thị M.

Ông Triệu Sành L có vợ là bà Nguyễn Thị X.

Bà Triệu Mùi P có chồng là ông Hoàng Tiến C. Họ có 02 người con là chị Hoàng Thị H và chị Hoàng Thị V.

Ông Triệu Tiến T1 có vợ là bà Hoàng Mùi S. Họ có 06 người con là chị Triệu Thị X, chị Triệu Thị H1, chị Triệu Thị T1, chị Triệu Thị T2, anh Triệu Văn T1, chị Triệu Thị U.

Ngày 06-10-1988, cụ Triệu Di S và cụ Hoàng Mùi N đã tiến hành hợp gia đình để phân chia tài sản cho các con. Theo Biên bản thể hiện các thành phần

tham gia gồm có cụ Triệu Dì S, cụ Hoàng Mùi N, ông Triệu Như L (là con rể, chồng của bà Triệu Thị L), ông Triệu Sáng V, ông Triệu Sành L.

Theo tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn tỷ lệ 1:10.000, lập năm 2008 thể hiện: Thửa đất số 59 diện tích 47.481,0m² đất RST, quy chủ hộ ông Triệu Tiến T1 (viết tắt là thửa đất số 59), chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào.

Theo tờ bản đồ địa chính số 39 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn tỷ lệ 1:1.000, lập năm 2013 thể hiện: Thửa đất số 148 diện tích 345,2m² đất COC (viết tắt là thửa đất số 148); thửa đất số 239 diện tích 1.243,1m² đất LUK (viết tắt là thửa đất số 239); thửa đất số 240 diện tích 32,7m² đất NHK (viết tắt là thửa đất số 240); thửa đất số 241 diện tích 42,9m² đất NHK (viết tắt là thửa đất số 241); thửa đất số 242 diện tích 72,4m² đất NHK (viết tắt là thửa đất số 242); thửa đất số 244 diện tích 47,8m² đất NHK, đều quy chủ hộ ông Triệu Tiến T1. Thửa đất số 243 diện tích 89,4m² đất GT, quy chủ Ủy ban nhân dân xã (viết tắt là thửa đất số 243). Toàn bộ các thửa đất trên chưa được cấp GCNQSDĐ cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào.

Ngày 21-9-2018 Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là UBND huyện) đã ban hành Quyết định số 3041/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường lên khu du lịch M (đoạn Km6-Km12), giai đoạn 2, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là Dự án). Trong đó có tiến hành thu hồi 144,2m² thửa đất số 148; thu hồi 104,4m² thửa đất số 239; thu hồi 89,4m² thửa đất số 243; thu hồi 965,7m² thửa đất số 59.

Ngày 12-3-2019, bà Triệu Thị L, ông Triệu Như L, ông Triệu Sáng V, ông Triệu Sành L, bà Nguyễn Thị X, bà Triệu Mùi P, ông Hoàng Tiến C đã tiến hành họp và lập các văn bản gồm Giấy hoán đổi ruộng đất, Giấy trả lại ruộng đất và Biên bản họp các con cụ Triệu Dì S để thống nhất lại việc phân chia quyền sử dụng ruộng đất của cụ Triệu Dì S và cụ Hoàng Mùi N để lại.

Ngày 06-11-2019, ông Triệu Sáng V có Đơn đề nghị chi trả tiền đền bù ruộng trong đó có nội dung nêu: Số tiền đền bù mảnh ruộng em trai tôi là Triệu Sành L không lấy cho riêng mình. Bốn anh, chị em tôi nhất trí cho cá nhân tôi được hưởng 65% số tiền được đền bù (do tuổi già, bệnh tật), phần còn lại để sang sửa đường đi chung cho các gia đình. Ngày 21-11-2019 ông Triệu Sành L và ông Triệu Tiến T1 đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ là 76.798.000đồng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 24-4-2023 và ngày 19-01-2024 đã xác định: Đất tranh chấp có tổng diện tích 4.065,4m² bao gồm: Diện tích 207,3m² thửa đất số 148. Diện tích 1.185,9m² thửa đất số 239, trên đất có 01 ngôi mộ đất, cột điện 01. Diện tích 32,7m² thửa đất số 240. Diện tích 42,9m² thửa đất số 241. Diện tích 72,4m² thửa đất số 242. Diện tích 89,4m² thửa đất số 243. Diện tích 47,8m² thửa đất số 244. Diện tích 2.387,0m² thửa đất số 59, trên đất có cột điện 02, 03; có 36 các cây hồng do

bà Triệu Mai T trồng năm 1997, 04 cây nhãn, 17 cây gỗ tạp, 100 cây vầu, 02 cây moóc do mọc tự nhiên hoặc ông cha trồng trước đó

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 26-4-2024 của Giám định viên ông Đàm Văn T thể hiện:

1. Khu đất đang tranh chấp có diện tích 4.065,4m² có vị trí nằm trong thửa đất số 59 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01, tỷ lệ 1:10.000 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn năm 2008.

2. Khu đất đang tranh chấp có diện tích 4.065,4m² có vị trí chồng, lấn với các thửa đất số 148, 239, 240, 241, 242, 243, 244 tờ bản đồ địa chính số 39, tỷ lệ 1:1.000 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn năm 2013, cụ thể: Thửa số 148 diện tích thửa 345,2m², trong đó có một phần diện tích 207,3m² nằm trong tổng diện tích khu đất tranh chấp. Thửa số 239 diện tích thửa 1.241,3m², trong đó có một phần diện tích 1.185,9m² nằm trong tổng diện tích khu đất tranh chấp. Thửa số 240 diện tích thửa 32,7m², có toàn bộ diện tích nằm trong tổng diện tích khu đất tranh chấp. Thửa số 241 diện tích thửa 42,9m², có toàn bộ diện tích nằm trong tổng diện tích khu đất tranh chấp. Thửa số 242 diện tích thửa 72,4m², có toàn bộ diện tích nằm trong tổng diện tích khu đất tranh chấp. Thửa số 243 diện tích thửa 89,4m², có toàn bộ diện tích nằm trong tổng diện tích khu đất tranh chấp. Thửa số 244 diện tích thửa 47,8m², có toàn bộ diện tích nằm trong tổng diện tích khu đất tranh chấp.

3. Trong tổng diện tích khu đất đang tranh chấp 4.065,4m² có một phần diện tích là 327,4m² chồng, lấn với diện tích đã thu hồi đất để thực hiện Dự án, cụ thể:

Thửa số 148 diện tích thửa 345,2m²: Diện tích đã thu hồi để thực hiện Dự án là 282,1m², chủ hộ được bồi thường, hỗ trợ là ông Triệu Sành L và ông Triệu Tiến T1; diện tích thu hồi nằm trong khu đất tranh chấp là 144,2m².

Thửa số 239 diện tích thửa 1.241,3m²: Diện tích đã thu hồi để thực hiện Dự án là 130,4m², chủ hộ được bồi thường, hỗ trợ là ông Triệu Sành L và ông Triệu Tiến T1; diện tích đã thu hồi nằm trong khu đất tranh chấp là 104,4m².

Thửa số 59 diện tích thửa 47.481m²: Diện tích đã thu hồi để thực hiện Dự án là 965,7m², chủ hộ được bồi thường, hỗ trợ ông Triệu Tiến T1; diện tích đã thu hồi nằm trong khu đất tranh chấp là 78,8m².

Tại cấp sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng 4.065,4m², được sở hữu tài sản trên đất, buộc phía bị đơn phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền đối với tài sản. Đất tranh chấp có nguồn gốc như sau: Ngày 06-10-1988, bố mẹ nguyên đơn tổ chức họp phân chia tài sản có mặt các con trai và con rể ông Triệu Như L. Theo văn bản Hội nghị gia đình thừa kế phân giao tài sản thì ông Triệu Sành L được chia toàn bộ khu C; còn nguyên đơn được chia khu P. Khu C có 02 phần được ngăn cách bởi đường cái từ xã H đi xã C nên một phần nằm dưới đường cái và một phần nằm trên đường cái tính theo triền đồi, đất tranh chấp chính là một phần đất C được chia cho ông Triệu Sành L. Do khi

đó ông Triệu Sành L đang công tác ngoài thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nên cụ Triệu Dì S và các anh em trong gia đình thỏa thuận cho ông Triệu Sáng V mượn đất của ông Triệu Sành L để tăng gia sản xuất, khi nào ông Triệu Sành L có nhu cầu sử dụng thì ông Triệu Sáng V sẽ trả lại đất.

Năm 2007, ông Triệu Sành L đổi toàn bộ khu C để lấy khu P với nguyên đơn để làm nhà gần với nhà chính của bố mẹ. Khi đó, ông Triệu Sáng V đã trả lại phần đất nằm phía dưới con đường cái cho ông Triệu Sành L, phần đất còn lại trên đường cái ông Triệu Sáng V tiếp tục mượn để canh tác. Sau khi đổi đất, nguyên đơn canh tác phần diện tích dưới đường cái, phần trên đường cái để cho ông Triệu Sáng V tiếp tục mượn canh tác. Ông Triệu Sành L cũng đã dựng nhà lên khu đất P. Các diện tích đất rừng, đất ruộng, tài sản thể hiện tại văn bản Hội nghị gia đình được các anh em trong gia đình thực hiện đúng như văn bản đã chia, phần của người nào người đó quản lý, sử dụng, không có tranh chấp.

Năm 2018-2019, Nhà nước mở rộng đường H - C phần diện đất (tranh chấp hiện nay) của ông Triệu Sành L bị ảnh hưởng bởi Dự án, ông Triệu Sành L được nhận tiền bồi thường nhưng có chia phần bồi thường đó cho ông Triệu Sáng V. Năm 2019, ông Triệu Sáng V thấy bản thân đã già yếu không tiếp tục canh tác phần diện tích đang tranh chấp, để tránh con cháu xảy ra tranh chấp nên đã yêu cầu các anh, chị, em có mặt để cùng lập Giấy hoán đổi đất, Giấy trả lại ruộng đất có sự chứng kiến của các anh em với nội dung ông Triệu Sáng V trả lại cho nguyên đơn phần diện tích trên đường cái. Năm 2020 ông Triệu Sáng V chết, bị đơn tự ý chôn cất mộ ông Triệu Sáng V trên phần đất tranh chấp, nguyên đơn đã không đồng ý nhưng là anh em trong nhà nên nguyên đơn có đề nghị bị đơn khi nào bốc mộ thì đưa mộ ông Triệu Sáng V đi chỗ khác. Năm 2022 sau khi vợ ông Triệu Sáng V chết, nguyên đơn lên canh tác tại phần đất ông Triệu Sáng V trả lại thì bị bị đơn ngăn cản. Đối với diện tích đất rừng, năm 1997 bà Triệu Mai T có hỏi mượn ông Triệu Sành L để trồng cây hồng, sau đó do điều kiện công việc nên bà Triệu Mai T có nhượng lại số cây hồng cho bị đơn chăm sóc.

Toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp hiện nguyên đơn chưa được cấp GCNQSDĐ. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện với tổng diện tích 428,0m² đất và tài sản trên đất gồm 03 cột điện, 01 ngôi mộ đất, cụ thể: Diện tích 89,4m² thuộc thửa đất số 243; diện tích 113,6m² thuộc thửa đất số 239; diện tích 144,2m² thuộc thửa đất số 148; diện tích 80,8m² thuộc thửa đất số 59. Nguyên đơn yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại là 3.637,4m² và được quyền sở hữu tài sản trên đất. Nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả giá trị 36 cây hồng trên đất cho bị đơn theo biên bản định giá, buộc gia đình bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền đối với tài sản. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng với tổng số tiền 6.250.000đồng và đề nghị giải quyết chi phí này theo pháp luật. Nguyên đơn thuộc đối tượng và có đơn nên đề nghị được miễn tiền án phí.

Bị đơn trình bày: Đất tranh chấp thuộc một phần diện tích đất do bố mẹ bị đơn là ông Triệu Sáng V, bà Triệu Thị X khai hoang từ năm 1985, sau đó đào nương trồng ngô, trồng mận rồi sau này trồng cây hồng. Họ đã thuê người và thuê

máy xúc đào thành các thửa ruộng để canh tác, trồng trọt ổn định. Đến năm 2008 bị đơn đi kê khai đã được ghi nhận tại Sổ mục kê: Hộ ông Triệu Tiến T1 đứng tên các thửa đất số 59, 148, 239, 240, 241, 242, 244. Bố mẹ bị đơn và sau này là vợ chồng bị đơn vẫn sử dụng diện tích đất từ trước cho đến nay. Đất tranh chấp không phải có địa danh C, địa danh này ở phía dưới đường cái. Đất tranh chấp ở phía trên đường cái và có địa danh là L. Cây hồng hiện có trên đất do bị đơn nhận chuyển nhượng lại của bà Triệu Mai T, còn các cây trồng khác là do bố mẹ bị đơn trồng hoặc mọc tự nhiên.

Bố của bị đơn ông Triệu Sáng V không hỏi mượn đất của ông Triệu Sành L vì gia đình ông Triệu Sáng V không thiếu đất canh tác. Vào khoảng những năm 1990 vì ông Triệu Sành L đi công tác xa, không có người trông nom và không sử dụng đến khu đất C ở phía dưới đường cái nên nhờ ông Triệu Sáng V trông nom và canh tác. Đến khoảng cuối năm 2007, đầu 2008 ông Triệu Sành L muốn lấy lại đất nên ông Triệu Sáng V đã trả lại toàn bộ ruộng đất ở khu đất phía dưới đường cái cho ông Triệu Sành L. Sau đó ông Triệu Sành L đổi đất với nguyên đơn như thế nào thì bị đơn không biết.

Xét thấy, Biên bản họp các con cụ Triệu Di S tại trang 1 ghi thời gian họp là 14h00 ngày 12-3-2019 nhưng lời chứng chứng thực chữ ký của nhiều người trong một giấy tờ, văn bản của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là UBND xã) đính kèm lại ghi ngày 21-3-2019 và có ghi cả bà Triệu Thị X và ông Hoàng Tiến C ký, nhưng thực tế không có chữ ký của hai người này, nhưng UBND xã vẫn chứng thực chữ ký là không đảm bảo tính hợp pháp. Công văn số 217/CV-UBND ngày 31-3-2023 do UBND xã phát hành có những nội dung chủ quan, không hợp pháp. Khi hai bên đang tranh chấp, UBND xã không đi xác minh thực tế mà chỉ căn cứ chủ yếu vào các tài liệu của nguyên đơn cung cấp như: Di chúc chia tài sản đã được lập năm 1988 (giấy Hội nghị gia đình thừa kế phân giao gia sản) để xác định nguồn gốc đất, trong khi đó giấy Hội nghị gia đình thừa kế phân giao gia sản năm 1988 có nhiều dấu hiệu tẩy xóa, viết thêm, không có người làm chứng nên không khách quan, không hợp pháp.

Bị đơn không có ý kiến gì về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn, bị đơn không chấp nhận. Đối với chi phí tố tụng, bị đơn đề nghị giải quyết theo quy định. Bị đơn thuộc đối tượng và có đơn nên đề nghị được miễn tiền án phí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Sành L, bà Nguyễn Thị X, ông Hoàng Tiến C, chị Hoàng Thị H nhất trí với ý kiến của bà Triệu Mùi P đưa ra và không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Mùi S, chị Triệu Thị X, chị Triệu Thị T1, chị Triệu Thị T2, chị Triệu Thị U đều nhất trí với ý kiến của bị đơn, không có yêu cầu độc lập và đều có uỷ quyền cho bị đơn tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Mai T trình bày: Bà là chị gái của bị đơn. Năm 1997, bà có mượn đất vườn rừng ở C của ông Triệu Sành L để trồng cây hồng. Khi đó, bà đã mua 3.000.000 đồng giống cây hồng về trồng. Tuy

nhiên, do không có thời gian chăm sóc nên sau khoảng 02 năm thì bà đã nhượng lại cho bị đơn với số tiền là 1.500.000đồng. Bà Triệu Mai T khẳng định khu đất đang tranh chấp có địa danh là C không phải là L. Bà xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến đất tranh chấp và xin vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị T3, bà Triệu Mùi P, bà Triệu Mùi V, bà Triệu Thị H1, bà Triệu Thị M, bà Triệu Thị L đều trình bày: Họ là chị, em gái của bị đơn, họ xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến đất tranh chấp và xin vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Các thửa đất số 59, 148, 239, 240, 241, 242, 243, 244 chưa được cấp GCNQSDĐ cho cá nhân, tổ chức nào. Thống kê hiện trạng các thửa đất số 59, 148, 239, 240, 241, 242, 244 tại Sổ mục kê có thông tin về tên chủ sử dụng là hộ ông Triệu Tiên T1, không có thông tin dữ liệu liên quan đến quá trình biến động; thửa đất số 243 có thông tin về tên chủ sử dụng là UBND xã, loại đất: Đất giao thông (DGT) nên UBND xã là chủ quản lý, sử dụng.

Người đại diện hợp pháp của Công ty điện lực Lạng Sơn trình bày: Hiện trên đất tranh chấp có 03 cột điện tại vị trí 11-5, 11-6, 11-7 thuộc đường dây 0,4KV sau TBA C, thuộc tài sản của Công ty Điện lực Lạng Sơn và do Điện lực thành phố quản lý vận hành. Trạm biến áp và đường dây 0,4KV C được xây dựng năm 2021 và đưa vào vận hành năm 2022, thuộc dự án Công trình đưa điện về xã miền núi. Công ty Điện lực đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đối với diện tích đất đã dựng 03 vị trí cột điện.

Tại văn bản số 773/UBND-TNMT, ngày 26-3-2024 của UBND huyện cung cấp thông tin: Đối với thửa đất số 59 thuộc lô 141, khoảnh 5, tiểu khu 316, diện tích 2,57 ha theo bản đồ hiện trạng rừng năm 2023 nằm trong quy hoạch 3 loại rừng là rừng sản xuất. Đối chiếu với bản đồ kèm theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện: Thửa đất số 59 thể hiện là đất rừng sản xuất; thửa đất số 148 là đất giao thông; thửa đất số 239 một phần là đất giao thông, phần còn lại là đất trồng lúa nước còn lại; các thửa đất số 240, 241, 242, 243, 244 thể hiện là đất trồng lúa nước còn lại. Đối với các thửa đất trên hiện đang có tranh chấp nên không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Sau khi bản án xét xử có hiệu lực pháp luật cho ai thì đủ điều kiện kê khai cấp GCNQSDĐ theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 30-7-2024, Thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án số 32/TB-TA ngày 12-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về quyền sử dụng đất: Hộ gia đình bà Triệu Mùi P được quyền quản lý, sử dụng tổng diện tích 3.637,4m² thuộc 07 thửa đất tại xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về tài sản trên đất: Hộ gia đình bà Triệu Mùi P được quyền sở hữu, sử dụng các cây cối trên đất cụ thể các cây hồng, cây nhãn, cây gỗ tạp, cây vầu, cây moóc.

3. Nguyên đơn thanh toán cho bị đơn giá trị 36 cây hồng là 64.416.000đồng.

4. Đình chỉ xét xử đối với tổng diện tích nguyên đơn rút là 428,0m² và tài sản trên đất. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại đối với các diện tích đất đã rút yêu cầu.

5. Buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn chấm dứt hành vi cản trở sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp là 3.637,4m² và các tài sản trên đất.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm trả quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Triệu Tiến T1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 30-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Tại cấp phúc thẩm: Đã thu thập thêm nhiều tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án, cụ thể:

Đã lấy lời khai của nguyên đơn, bị đơn làm rõ các nội dung thể hiện tại văn bản Hội nghị gia đình thừa kế phân giao gia sản ngày 06-10-1988. Lời chứng chứng thực chữ ký của nhiều người trong một số giấy tờ văn bản ngày 21-9-2019 như Giấy hoán đổi ruộng đất, Giấy trả lại ruộng đất, Biên bản họp các con cụ Triệu Dì S cùng ngày 12-3-2019 ... cũng như quá trình sinh sống của các đương sự trong vụ án.

UBND xã có Văn bản số 838/BC-UBND ngày 25-11-2024 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện: Trên địa bàn xã địa danh C có từ xa xưa, còn L thì không nghe thấy. Theo Biên bản hòa giải ngày 09-9-2021, nguyên đơn đề nghị UBND xã giải quyết tranh chấp đất đai thì không nói đến L mà chỉ nói đến C. Đến lần hòa giải thứ 4 do Tòa án nhân dân huyện đề nghị UBND xã hòa giải lại thì bị đơn mới nói khu đất này là L. Diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn thể hiện tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai hồi 08 giờ 30 phút ngày 28-7-2023 của UBND xã, Biên bản xác minh hồi 14 giờ 30 phút ngày 24-7-2023 của UBND xã có địa danh là C. Diện tích đất tranh chấp thể hiện tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ hồi 08 giờ ngày 24-4-2023 và vào hồi 08 giờ 50 phút ngày 19-01-2024 có xác nhận của đại diện UBND xã có địa danh là khu đồi C, không có nội dung gì liên quan đến tên L.

Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn tại Văn bản số 3117/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 01-11-2024 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện: Tờ bản đồ địa chính số 39 xã C tỷ lệ 1:1.000 được đo vẽ tháng 7-2013, được duyệt ngày 29-5-2014 để bàn giao cho các cấp đưa vào quản lý, khai thác, sử dụng; đơn vị không lưu giữ bản đồ giải thửa của xã C. Tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã C tỷ lệ 1:10.000, được đo vẽ tháng 11-2008, được duyệt ngày 15-12-2011 để bàn giao cho các cấp đưa vào quản lý, khai thác, sử dụng, trước đó không có tài liệu đo đạc bản đồ nào khác tại Sở. Bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1.000 sai số cho phép là 20cm, Bản đồ địa chính tỷ lệ 1:10.000 sai số cho phép là 200cm. Do vậy, Bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1.000 có độ chính xác cao hơn Bản đồ địa chính tỷ

lệ 1:10.000. Việc giải quyết tranh chấp đất đai phụ thuộc vào kết quả kiểm tra xác minh về nguồn gốc đất, những giấy tờ về quyền sử dụng đất, quá trình quản lý sử dụng thửa đất và hiện trạng sử dụng thửa đất ... Trường hợp phải tham khảo các tài liệu bản đồ đo đạc thì ưu tiên sử dụng Bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1.000.

UBND huyện tại Văn bản số 3994/UBND-TNMT ngày 14-12-2024 về việc cung cấp thông tin liên quan đến vụ án dân sự tranh chấp đất đai Triệu Mùi P - Triệu Tiến T1 (bổ sung) cho biết: Đối với các tài sản (cây cối) hiện nay có trên đất tranh chấp thửa đất số 59 được phép tồn tại khi giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các đương sự.

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Lạng Sơn tại Văn bản số 1508/CV-CNVĐKĐĐ ngày 12-11-2024 về việc cung cấp hồ sơ tài liệu đối với tờ bản đồ địa chính số 39; tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn kèm theo Sổ mục kê, Sổ địa chính ...

Ngày 25-11-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có Kiến nghị số 613/KN-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm, đó là: Tuyên cho hộ nguyên đơn được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là chưa phù hợp; không tuyên buộc vợ chồng bị đơn đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất phải trả lại khu đất tranh chấp là thiếu sót, khó khăn cho công tác thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Triệu Tiến T1 rút một phần nội dung kháng cáo, cụ thể: Đối với đất và tài sản trên đất cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết bị đơn không kháng cáo; bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm đối với phần đất 3.637,4m² và tài sản trên đất cấp sơ thẩm đã giải quyết. Hiện nay vợ chồng bị đơn là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất tranh chấp; các con của bị đơn, các anh chị em của bị đơn không quản lý, sử dụng đất tranh chấp và không có tranh chấp gì.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Cấp phúc thẩm đã thu thập, bổ sung tài liệu chứng cứ, làm rõ về địa danh đất tranh chấp, nguồn gốc cũng như quá trình quản lý, sử dụng đất. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật. Kháng cáo của bị đơn đưa ra là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn và việc thi hành án đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm, buộc vợ chồng bị đơn phải trả lại đất cho nguyên đơn (không phải trả cho hộ gia đình nguyên đơn) và nguyên đơn thực hiện quyền kê khai cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật đất đai.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tại phiên tòa, bị đơn rút một phần nội dung kháng cáo đối với nội dung cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử nên đề nghị xem xét vấn đề này theo luật định. Đất tranh chấp do bố

mẹ của bị đơn khai hoang trước đó để lại cho bị đơn; địa danh đất tranh chấp còn có nhiều tên gọi khác nhau; cấp sơ thẩm còn có vi phạm tố tụng theo quy định tại Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Văn bản lập năm 1988 có nhiều nội dung tẩy xóa có lợi cho nguyên đơn, tại Điều 14 của văn bản chỉ thể hiện chia ruộng, không có chia rừng; việc hoán đổi ruộng đất giữa nguyên đơn và ông Triệu Sành L có nhiều điều không minh bạch; các văn bản bố bị đơn có ký vào năm 2019 khi đang ốm nặng không đảm bảo tính khách quan và chính quyền địa phương chứng thực không đảm bảo pháp luật; văn bản trả lời của chính quyền địa phương thể hiện ý chí chủ quan bảo vệ cho nguyên đơn. Mặt khác, nhiều lời khai của người làm chứng phía bị đơn không được cấp sơ thẩm xem xét; việc kiểm đếm đền bù khi thu hồi đất thực hiện Dự án cấp sơ thẩm chỉ đánh giá về phía nguyên đơn, không đánh giá về phía bị đơn. Bố mẹ bị đơn và sau này vợ chồng bị đơn canh tác, quản lý sử dụng đất tranh chấp từ trước đến khi tranh chấp mà nguyên đơn không có ý kiến gì. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm đối với nội dung có kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho người khác có mặt hoặc có đề nghị xét xử vắng mặt; những người tham gia tố tụng có mặt đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Tại phiên tòa, bị đơn rút một phần kháng cáo, không yêu cầu hủy Bản án dân sự đối với phần cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm. Thấy rằng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với chi phí tố tụng, án phí cấp sơ thẩm đã quyết định là đúng quy định. Do đó nội dung kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm có một số thiếu sót sau: Phần diện tích đất tranh chấp là do nguyên đơn đòi phần đất mà mình được bố mẹ phân chia với ông Triệu Sành L, đây là tài sản riêng của nguyên đơn nên việc tuyên cho hộ nguyên đơn được quản lý, sử dụng đất là chưa phù hợp; cấp sơ thẩm không tuyên buộc vợ chồng bị đơn đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất phải trả lại đất cho nguyên đơn là thiếu sót, khó khăn cho công tác thi hành án (nội dung này Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã có Kiến nghị số 613/KN-VKS-DS ngày 25-11-2024); cấp sơ thẩm không tuyên quyền nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của nguyên đơn là không đầy đủ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của ông Triệu Tiên T1; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 30-7-2024 của Tòa án nhân

dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn như phân tích ở trên. Do sửa án nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ 2 đã được triệu tập hợp lệ, có người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã đề nghị giải quyết vắng mặt hoặc có người đại diện theo ủy quyền có mặt hoặc vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] **Về việc rút một phần nội dung kháng cáo:** Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Triệu Tiến T1 rút kháng cáo về việc cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với tổng diện tích 428,0m² đất và tài sản trên đất. Xét thấy, việc người kháng cáo rút một phần nội dung kháng cáo là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Triệu Tiến T1 yêu cầu hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm; thấy rằng:

[4] Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với 428,0m² đất và tài sản trên đất. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử về phần diện tích đất và tài sản trên đất đã rút là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Diện tích đất tranh chấp cấp sơ thẩm giải quyết là 3.637,4m² bao gồm: Diện tích 63,1m² thuộc thửa đất số 148; diện tích 1.072,3m² thuộc thửa đất số 239; diện tích 32,7m² thuộc thửa đất số 240; diện tích 42,9m² thuộc thửa đất số 241; diện tích 72,4m² thuộc thửa đất số 242; diện tích 47,8m² thuộc thửa đất số 244. Trên toàn bộ diện tích đất trên không có cây trồng gì; và diện tích 2.306,2m² thuộc thửa đất số 59, trên đất có 36 cây hồng, 04 cây nhãn, 17 cây gỗ tạp, 100 cây vầu, 02 cây moóc.

[5] Về địa danh, tên gọi khu đất tranh chấp:

[6] Thứ nhất: Tài liệu do đương sự cung cấp như các Biên bản hòa giải, Biên bản xác minh khu đất tranh chấp của chính quyền địa phương, Hồ sơ thu hồi bồi thường, thực hiện Dự án ... đều thể hiện địa danh khu đất tranh chấp là C.

[7] Thứ 2: Bà Triệu Mai T là chị gái bị đơn cũng khẳng định khu đất tranh chấp có địa danh C. Chính bị đơn cũng thừa nhận và khẳng định trong Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai (lần 2) tại UBND xã lập ngày 09-9-2021 khu đất tranh chấp có địa danh C. Các lời khai ban đầu của bị đơn trong quá trình tố tụng đều xác định đất tranh chấp có địa danh là C. Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 24-4-2023 thể hiện đất tranh chấp thuộc địa danh, địa điểm đồi C và bị đơn có ký nhận vào biên bản này.

[8] Thứ 3: Tại Văn bản lập ngày 06-10-1988 khi cụ Triệu Dì S và cụ Hoàng Mùi N tiến hành họp gia đình để phân chia tài sản cho các con cũng thể hiện địa danh C được chia cho ông Triệu Sành L. Tại Giấy hoán đổi ruộng đất,

Giấy trả lại ruộng đất và Biên bản họp các con cụ Triệu Dì S lập năm 2019 đều thể hiện đất tranh chấp có địa danh C.

[9] Thứ 4: Tại Văn bản số 838/BC-UBND ngày 25-11-2024 của UBND xã cũng khẳng định đất tranh chấp có địa danh C.

[10] Do đó, có đủ căn cứ pháp lý khẳng định khu đất tranh chấp có địa danh C.

[11] **Về nguồn gốc đất và quá trình quản lý, sử dụng đất:** Bị đơn cho rằng đây là phần đất do bố mẹ bị đơn khai phá từ năm 1985, sau khi bố mẹ bị đơn chết thì để lại cho bị đơn quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, ngoài lời khai của mình thì bị đơn không xuất trình được tài liệu chứng minh về nguồn gốc đất như ý kiến đã đưa ra. Nguyên đơn cho rằng đất tranh chấp thuộc một phần diện tích đất do bố mẹ đã phân chia cho ông Triệu Sành L (thể hiện tại giấy Hội nghị gia đình thừa kế phân giao gia sản ngày 06-10-1988). Năm 2007 ông Triệu Sành L đã đổi toàn bộ phần đất được phân chia tại địa danh C cho nguyên đơn để lấy toàn bộ phần đất có địa danh P. Nguyên đơn đã xuất trình tài liệu chứng cứ là các văn bản trong gia đình lập năm 1988 và năm 2019 để chứng minh cho ý kiến đã đưa ra. Đánh giá các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thấy:

[12] Thứ nhất: Tại giấy Hội nghị gia đình thừa kế phân giao gia sản ngày 06-10-1988 tuy có nội dung bị gạch, viết thêm nhưng các nội dung này đều thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của người có tài sản là cụ Triệu Dì S và cụ Hoàng Mùi N; và sau này cũng hoàn toàn phù hợp với nội dung thể hiện tại các văn bản do các con của cụ Triệu Dì S, cụ Hoàng Mùi N lập năm 2019 và đặt biệt là phù hợp với thực tế sử dụng đất của mỗi người con trong gia đình được phân chia. Tại thời điểm lập văn bản khu vực xã C chưa đo đạc Bản đồ 299 hay Bản đồ địa chính và cũng chưa triển khai cấp GCNQSDĐ các phần đất cụ Triệu Dì S và cụ Hoàng Mùi N đã phân chia cho các con. Văn bản này mặc dù không được chính quyền chứng thực, xác nhận, nhưng các con trong gia đình cụ Triệu Dì S và chính bị đơn đều thừa nhận đó là tài sản của cụ Triệu Dì S và cụ Hoàng Mùi N đã khai phá, quản lý, sử dụng từ trước đó và phân chia cho các con, được các con trong gia đình thực hiện nghiêm túc. Sau khi các con của cụ Triệu Dì S, cụ Hoàng Mùi N chết thì các cháu đều tiếp tục thực hiện như vậy, trừ liên quan đến khu đất tranh chấp.

[13] Thứ 2: Tại các văn bản như Giấy hoán đổi ruộng đất, Giấy trả lại ruộng đất và Biên bản họp các con cụ Triệu Dì S cùng ngày 12-3-2019, có chứng thực của UBND xã ngày 21-3-2019, đều có chữ ký của ông Triệu Sáng V (bố của bị đơn) xác nhận nhiều nội dung, trong đó có nội dung: Ông Triệu Sáng V mượn đất của ông Triệu Sành L khu đất C có cả phần đất trên đường cái (phần đất đang có tranh chấp hiện nay) và phần đất dưới đường cái; ông Triệu Sành L đổi khu đất C cho bà Triệu Mùi P để lấy khu đất P. Ngoài ra, để xác định rõ khuôn viên khu đất ông Triệu Sáng V trả lại trên thực địa thì ông Triệu Sáng V, ông Triệu Sành L có mời người chứng kiến là bà Hà Thị T (khi đó là cán bộ địa chính) và ông Triệu Trần L (khi đó Chủ tịch UBND xã) đến thực địa để cắm

mốc cụ thể. Nội dung này được bà Hà Thị T xác nhận, thể hiện rõ phần đất tranh chấp hiện nay nằm trong khuôn viên phần đất ông Triệu Sáng V mượn ông Triệu Sành L. Điều này thể hiện khi lập các văn bản đó, ông Triệu Sáng V hoàn toàn minh mẫn và tự nguyện. Mặt khác, từ khi ông Triệu Sáng V thỏa thuận như trên đến khi chết ông Triệu Sáng V cũng không có tranh chấp, ý kiến gì với các anh chị em trong gia đình; bản thân vợ ông Triệu Sáng V năm 2022 mới chết cũng không có tranh chấp gì về các nội dung đã thể hiện tại các văn bản này. Chỉ sau khi bố mẹ bị đơn đã chết, năm 2022 nguyên đơn đến sử dụng đất thì bị bị đơn ngăn cản và hai bên mới xảy ra tranh chấp đất đai.

[14] Thứ 3: Thực tế hiện nay nguyên đơn đang sử dụng một phần khu đất C ở phía dưới đường cái được ông Triệu Sáng V trả lại năm 2007 mà không có tranh chấp; toàn bộ khu đất P vợ chồng ông Triệu Sành L đã làm nhà, quản lý và sử dụng từ năm 2007 đến nay mà không có tranh chấp.

[15] Bị đơn cho rằng khu đất tranh chấp là do bố mẹ của bị đơn để lại cho bị đơn quản lý, sử dụng không làm giấy tờ; còn các khu đất khác của bố mẹ bị đơn cũng để lại cho bị đơn đều có giấy tờ. Điều này là mâu thuẫn với nội dung các văn bản trước đó của ông Triệu Sáng V lập năm 2019 (như phân tích ở mục [13]). Bà Triệu Mai T là chị gái của bị đơn cũng khẳng định: Năm 1997 trước khi thực hiện trồng các cây hồng trên một phần đất tranh chấp hiện nay bà đã xin phép và được sự đồng ý của ông Triệu Sành L. Sau đó 02 năm bà Triệu Mai T đã chuyển nhượng toàn bộ cây hồng trên đất cho bị đơn chăm sóc với giá 1.500.000đồng (không chuyển nhượng gì về đất). Như vậy thể hiện thành viên trong gia đình ông Triệu Sáng V cũng thừa nhận phần diện tích đất tranh chấp được chia cho ông Triệu Sành L từ năm 1988.

[16] Do đó có đủ căn cứ pháp lý xác định có việc đổi khu đất C, khu đất P giữa ông Triệu Sành L và bà Triệu Mùi P là có thật.

[17] Căn cứ kết quả giám định, chồng ghép bản đồ thể hiện: Năm 2018-2019, khi Nhà nước tiến hành thu hồi một phần diện tích đất địa danh C để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường lên khu du lịch M thì Nhà nước tiến hành thu hồi 144,2m² thuộc thửa đất số 148 (đang có tranh chấp); thu hồi 104,4m² thuộc thửa đất số 239 (đang có tranh chấp); thu hồi 89,4m² thuộc thửa đất số 243 (đang có tranh chấp) của ông Triệu Sành L. Tuy nhiên, khi đó ông Triệu Sáng V và ông Triệu Sành L đã thỏa thuận phân chia số tiền bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước; ông Triệu Sành L nhất trí chia cho ông Triệu Sáng V 65% số tiền nhận bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước do ông Triệu Sáng V đã có công trông giữ, cải tạo phần diện tích đất này. Nội dung này cũng thể hiện rõ tại Đơn đề nghị chi trả tiền đền bù ruộng ngày 06-11-2019 của ông Triệu Sáng V. Ngày 21-11-2019 ông Triệu Sành L, ông Triệu Tiến T1 đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ là 76.798.000đồng mà không hề có tranh chấp, khiếu kiện gì. Tại thời điểm đó, thửa đất số 59 có tổng diện tích 47.481m² Nhà nước đã thu hồi để thực hiện Dự án là 965,7m², chủ hộ được bồi thường, hỗ trợ ông Triệu Tiến T1. Tuy nhiên, diện tích đã thu hồi nằm trong khu đất tranh chấp là 78,8m².

[18] Theo Sổ mục kê đất đai, tờ Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 lập năm 2008 thể hiện: Ông Triệu Tiến T1 đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 59, mục đích sử dụng đất rừng sản xuất. Theo Sổ mục kê đất đai, tờ Bản đồ địa chính số 39 lập năm 2013 thể hiện: Thửa đất số 148, mục đích sử dụng đất COC; thửa đất số 239, mục đích sử dụng đất LUK; các thửa đất số 240, 241, 242, 244 mục đích sử dụng NHK đều đứng tên ông Triệu Tiến T1. Đối với thửa đất số 243 mục đích sử dụng DGT đứng tên UBND xã. Xét thấy, việc đứng tên tại Sổ mục kê lập năm 2008, năm 2013 chỉ là một trong các căn cứ xem xét về nguồn gốc đất. Mặt khác, vào các thời điểm đó khi bị đơn kê khai đứng tên tại các Sổ mục kê nằm trong thời điểm ông Triệu Sáng V đang mượn khu đất C của ông Triệu Sành L; ông Triệu Sáng V và gia đình đang trực tiếp canh tác, sử dụng các phần đất này. Điều này phù hợp với Giấy trả lại ruộng đất ngày 12-3-2019 có chữ ký của ông Triệu Sáng V.

[19] Mặc dù ông Triệu Sáng V và gia đình bị đơn có quá trình canh tác, quản lý, sử dụng một thời gian dài (từ năm 1989 đến năm 2022) nhưng trên cơ sở có việc mượn đất của ông Triệu Sáng V với ông Triệu Sành L, đây không phải khu đất do vợ chồng ông Triệu Sáng V và gia đình bị đơn khai phá.

[20] Từ những phân tích đánh giá trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với thực tế khách quan và các quy định của pháp luật về đất đai. Trên thửa đất số 59 hiện có 36 cây hồng do bà Triệu Mai T trồng, sau đó đã chuyển nhượng cho bị đơn. Còn các cây trồng khác là do ông cha nguyên đơn, bị đơn trồng trước đó và tự mọc. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc quản lý, sử dụng 3.637,4m² đất và được quyền sở hữu toàn bộ các cây trồng trên đất trong đó có 36 cây hồng và thanh toán giá trị của 36 cây hồng cho bị đơn là đúng pháp luật.

[21] Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng với tổng số tiền 6.250.000đồng. Do nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện nên phải chịu phân chi phí tố tụng tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện đã rút, bị đơn phải chịu phân chi phí tố tụng tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó việc cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5.515.000đồng là đúng pháp luật.

[22] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với việc thanh toán giá trị tài sản cho bị đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn đều thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn đề nghị nên cấp sơ thẩm miễn án phí cho nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[23] Từ những phân tích trên thấy rằng: Việc thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm tuy chưa được đầy đủ nhưng cấp phúc thẩm đã thực hiện bổ sung đầy đủ. Việc chứng minh thực hiện theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

nên không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn vì không có căn cứ pháp luật.

[24] Xét thấy, cấp sơ thẩm có một số vi phạm, thiếu sót sau:

[25] Thứ nhất: Nguyên đơn được bố mẹ chia cho khu đất P là tài sản riêng (có trước hôn nhân) và đã đổi phần diện tích đất này cho ông Triệu Sành L để lấy khu đất C, trong đó có 3.637,4m² đất đang có tranh chấp nên đây là tài sản riêng của nguyên đơn. Việc cấp sơ thẩm tuyên hộ bà Triệu Mùi P được quản lý, sử dụng 3.637,4m² đất là chưa chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi trực tiếp của bà Triệu Mùi P. Chồng và 02 người con của nguyên đơn tại cấp phúc thẩm cũng khẳng định rõ đó là tài sản riêng của nguyên đơn, không phải là tài sản chung của hộ gia đình.

[26] Thứ 2: Các đương sự đều thừa nhận: Từ 1989 bố mẹ của bị đơn khi còn sống và vợ chồng bị đơn là người canh tác, sử dụng đất. Từ khi bố mẹ bị đơn chết đến nay thì vợ chồng bị đơn là người trực tiếp canh tác, sử dụng đất tranh chấp đến nay. Các cây hồng trên đất tranh chấp do bị đơn nhận chuyển nhượng của bà Triệu Mai T và đang là người sử hữu, sử dụng toàn bộ cây trồng trên đất. Do đó, phải buộc vợ chồng bị đơn trả lại 3.637,4m² đất tranh chấp và tài sản trên đất cho nguyên đơn mới đảm bảo quyền của nguyên đơn.

[27] Thứ 3: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng cấp sơ thẩm không tuyên quyền, nghĩa vụ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thiếu sót.

[28] Ngày 12-8-2024, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án số 32/TB-TA về việc ghi đỉnh thửa đất số 241, 244 có sự nhầm lẫn. Xét thấy, thực tế có việc nhầm lẫn về số liệu và cấp sơ thẩm được phép sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng văn bản ban hành lại là Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án là không tuân thủ đúng theo mẫu Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm. Ngoài ra, cấp sơ thẩm xác định vị trí đỉnh thửa phần diện tích 101,1m² đất thuộc thửa đất số 239 đỉnh chỉ xét xử thiếu đỉnh thửa số 23 là thiếu sót.

[29] Do vậy, cần sửa Bản án sơ thẩm đối với các vi phạm nêu trên. Do sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[30] Xét đề nghị của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Triệu Tiến T1; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 30-7-2024 (đã có Thông báo sửa chữa, bổ

sung Bản án số 32/TB-TA ngày 12-8-2024) của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ vào các Điều 10, Điều 105, Điều 107 của Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào các Điều 4, Điều 6, Điều 26, Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 104, Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào các Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 169, Điều 189, Điều 221, Điều 235, Điều 237, Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 468, Điều 494, Điều 496, Điều 497, Điều 498, Điều 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 5, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 157, Điều 161, Điều 165, Điều 218, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, Điều 24, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Mùi P về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với tổng diện tích 480,0m² đất và tài sản trên đất tại thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do bà Triệu Mùi P rút yêu cầu khởi kiện. Diện tích 480,0m² đất và tài sản trên đất bao gồm:

Diện tích 89,4m² đất DGT thuộc một phần thửa đất số 243, tờ bản đồ địa chính số 39, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): T, 28, 32, 33, 40, X thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án.

Diện tích 101,1m² đất LUK thuộc một phần thửa đất số 239, tờ bản đồ địa chính số 39, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 6, 20, 23, 7, K, L, M thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án.

Diện tích 3,3m² đất LUK thuộc một phần thửa đất số 239, tờ bản đồ địa chính số 39, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 2, 3, 4 thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án.

Diện tích 4,2m² đất LUK thuộc một phần thửa đất số 239, tờ bản đồ địa chính số 39, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 20, 21, 22, 23 thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án.

Diện tích 4,0m² đất LUK thuộc một phần thửa đất số 239, tờ bản đồ địa chính số 39, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 24, 25, 26, 27 thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án và tài sản trên đất là 01 ngôi mộ đất.

Diện tích 1,0m² đất LUK thuộc một phần thửa đất số 239, tờ bản đồ địa chính số 39, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 16,17,18,19 Phụ lục Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án và tài sản trên đất là cột điện 1.

Diện tích 144,2m² đất COC thuộc một phần thửa đất số 148, tờ bản đồ địa chính số 39, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): O, 3, 4, 5, 6, M, N thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án.

Diện tích 78,8m² thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A, 1, 2, 3, O, P thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án.

Diện tích 1,0m² thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 8, 9, 10, 11 thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án và tài sản trên đất là cột điện 3.

Diện tích 1,0m² thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 12, 13, 14, 15 thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án và tài sản trên đất là cột điện 2.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do rút yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

II. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Mùi P, cụ thể như sau:

1. Bà Triệu Mùi P được quyền quản lý, sử dụng tổng diện tích 3.637,4m² đất tại xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu tài sản trên diện tích đất nêu trên. Diện tích 3.637,4m² đất và tài sản trên đất bao gồm:

- Diện tích 2.306,2m² đất RST thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): B, C, D, E, F, G, H, X, 40, 39, 37, 38, 36, 35, 34, V, U, 31, 30, 29, 28, T, R, Q, 2, 1, giảm trừ diện tích 1,0m² đất (tại vị trí cột điện 2) được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 12, 13, 14, 15; giảm trừ diện tích 1,0m² đất (tại vị trí cột điện 3) được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 8, 9, 10, 11 thể hiện Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án và tài sản trên đất gồm có 36 cây hồng; 04 cây nhãn; 17 cây gỗ tạp; 100 cây vầu đã ra lá và cành; 02 cây moóc.

- Diện tích 63,1m² đất LUK thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ địa chính số 39 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 4, 5, 6 thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án.

- Diện tích 1.072,3m² đất LUK thuộc thửa đất số 239, tờ bản đồ địa chính số 39 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 2, Q, R, T, X, H, 7, 23, 22, 27, 26, 25, 24, 21, 20, 6, 4; giảm trừ diện tích 1,0m² đất (tại vị trí cột điện 1) được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 16, 17, 18, 19 thể hiện Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án.

Diện tích 32,7m² đất NHK thuộc thửa đất số 240, tờ bản đồ địa chính số 39 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): U, V, 34, 31 thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án.

Diện tích 42,9m² đất NHK thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ địa chính số 39 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 30, 31, 34, 35, 36 thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án.

Diện tích 72,4m² đất NHK thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ địa chính số 39 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 28, 29, 30, 36, 38, 37, 32 thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án.

Diện tích 47,8m² đất NHK thuộc thửa đất số 244, tờ bản đồ địa chính số 39 xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): 33, 32, 37, 39, 40 thể hiện tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 50-2023 ngày 22-7-2024 kèm theo Bản án.

2. Buộc ông Triệu Tiến T1, bà Hoàng Mùi S phải trả lại tổng diện tích 3.637,4m² đất và tài sản trên đất nêu trên cho bà Triệu Mùi P.

3. Bà Triệu Mùi P có quyền, nghĩa vụ thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) nêu trên theo quy định của pháp luật đất đai.

4. Buộc ông Triệu Tiến T1, bà Hoàng Mùi S chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất nêu trên (nếu có) với bà Triệu Mùi P.

5. Bà Triệu Mùi P phải thanh toán giá trị tài sản của 36 cây hồng với số tiền là 64.416.000đồng (sáu mươi tư triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng) cho ông Triệu Tiến T1.

III. Về chi phí tố tụng

1. Bà Triệu Mùi P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định với tổng số tiền là 735.000đồng. Xác nhận bà Triệu Mùi P đã nộp đủ số tiền 735.000đồng (bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

2. Ông Triệu Tiến T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định với tổng số tiền là 5.515.000đồng. Ông Triệu Tiến T1 phải hoàn

trả cho bà Triệu Mùi P số tiền 5.515.000đồng (năm triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng).

IV. Về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

V. Về án phí

1. Về án phí dân sự sơ thẩm

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Triệu Mùi P.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Triệu Tiến T1.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Triệu Tiến T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. C, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
-
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa